

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ IPA**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 31
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09 - 31

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### CÔNG TY

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600 tỷ đồng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 9/3/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/1/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 đồng, thặng dư vốn là 370,876 tỷ đồng; sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng và thặng dư vốn phát sinh là 370,867 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2008, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030225325 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 đồng và vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 đồng và do một cổ đông duy nhất là Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng.

Trụ sở của Công ty:

Địa chỉ đăng ký: Số 59 phố Lý Thái Tổ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Số 1 phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hiền	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Minh Hương	Thành viên
Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Việt	Thành viên
Bà Lê Hương Mai	Thành viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hiền	Tổng Giám đốc
-------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Khánh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc	Thành viên
Ông Vương Văn Tường	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Vũ Hiến**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016

105  
TY  
HUU  
TO  
C  
P.H  
101  
P



Số: ~~1871~~ /2016/BC.KTTC-AASC.KT6

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA được lập ngày 02 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

**Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0744-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of **HLB** International

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
		VND	(Phân loại lại) VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>61.520.128.956</b>	<b>27.581.949.778</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.564.526.782	12.677.538.859
111 1. Tiền		1.064.526.782	7.377.538.859
112 2. Các khoản tương đương tiền		10.500.000.000	5.300.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.350.000.000	-
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.350.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		43.224.390.148	14.485.502.797
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		221.100.000	959.087.554
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.010.728.007	1.266.445.319
135 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	35.833.448.513	6.525.408.513
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	5	6.492.562.141	6.068.009.924
137 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(333.448.513)	(333.448.513)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		381.212.026	418.908.122
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	51.427.279	67.918.218
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		329.784.747	350.989.904
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.117.100.504.502</b>	<b>1.116.367.657.412</b>
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		1.800.000.000	2.800.000.000
215 5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	1.000.000.000
216 6. Phải thu dài hạn khác	5	1.800.000.000	1.800.000.000
220 II. Tài sản cố định		3.239.137.033	3.711.490.279
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	3.239.137.033	3.711.490.279
222 - Nguyên giá		10.900.674.901	11.841.071.187
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(7.661.537.868)	(8.129.580.908)
227 3. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228 - Nguyên giá		1.502.155.950	1.502.155.950
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.502.155.950)	(1.502.155.950)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.564.717.571	5.589.263.026
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	5.564.717.571	5.589.263.026
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.106.146.040.062	1.103.919.233.685
251 1. Đầu tư vào công ty con		1.043.924.820.683	1.027.277.246.717
252 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		49.877.530.703	57.983.433.920
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.376.032.500	46.376.032.500
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(34.032.343.824)	(27.717.479.452)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		350.609.836	347.670.422
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	350.609.836	347.670.422
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.178.620.633.458</b>	<b>1.143.949.607.190</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

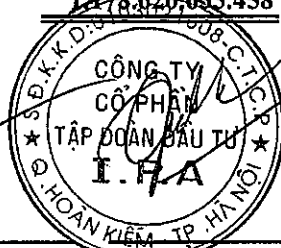
Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
		VND	(Phân loại lại) VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>182.325.496.326</b>	<b>154.711.280.718</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>151.331.346.247</b>	<b>120.657.130.639</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.326.630.100	83.073.176
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	87.734.714.185	272.800
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	31.513.250	468.958.724
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	73.926.111
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	15	61.238.488.712	62.430.218.300
320 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	-	57.600.681.528
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>30.994.150.079</b>	<b>34.054.150.079</b>
337 7. Phải trả dài hạn khác	15	848.050.079	848.050.079
338 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	30.146.100.000	33.206.100.000
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>996.295.137.132</b>	<b>989.238.326.472</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>996.295.137.132</b>	<b>989.238.326.472</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		600.000.000.000	600.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		370.867.003.490	370.867.003.490
415 5. Cổ phiếu quỹ		(35.861.096.800)	(35.861.096.800)
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		61.289.230.442	54.232.419.782
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.232.419.782	34.340.970.955
421b LNST chưa phân phối kỳ này		7.056.810.660	19.891.448.827
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.178.620.633.458</b>	<b>1.143.949.607.190</b>

*[Signature]*

Phan Thị Mến  
Người lập biểu

*[Signature]*

Phạm Thị Thanh Huệ  
Kế toán trưởng



Vũ Hiến  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016

1105  
GTY  
M HUU  
M TO  
SC  
TP.P

08-C  
J TU  
HA N

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2016	năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	4.994.378.132	492.401.624
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.994.378.132	492.401.624
11	4. Giá vốn hàng bán	18	4.890.244.734	72.559.341
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		104.133.398	419.842.283
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	14.953.868.873	5.245.331.586
22	7. Chi phí tài chính	20	6.323.069.560	(15.329.993.528)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	2.811.540.253
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	2.020.014.874	2.149.775.717
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.714.917.837	18.845.391.680
31	11. Thu nhập khác	22	384.438.278	2
32	12. Chi phí khác		42.545.455	11.801
40	13. Lợi nhuận khác		341.892.823	(11.799)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.056.810.660	18.845.379.881
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>7.056.810.660</u>	<u>18.845.379.881</u>

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Phan Thị Mến  
Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Huệ  
Kế toán trưởng

Vũ Hiền  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016



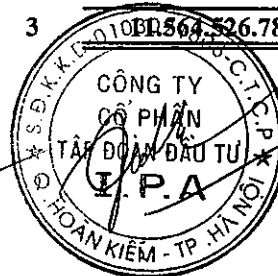
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	7.056.810.660	18.845.379.881
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	472.353.246	117.272.724
03	- Các khoản dự phòng	6.314.864.372	(18.148.185.151)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(15.020.232.509)	(5.222.608.765)
06	- Chi phí lãi vay	-	2.811.540.253
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(1.176.204.231)	(1.596.601.058)
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(1.868.241.642)	1.517.091.314
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	88.663.032.489	(1.694.398.678)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	13.551.525	41.216.274
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(397.226.262)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	85.234.911.879	(1.732.692.148)
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	100.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(39.350.000.000)	(2.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4.691.960.000	11.581.923.233
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(6.085.840.749)	(14.424.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.956.638.321	5.099.391.565
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(25.687.242.428)	(242.685.202)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(60.660.681.528)	(8.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(60.660.681.528)	(8.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.113.012.077)	(9.975.377.350)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	12.677.538.859	20.353.344.526
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 10.564.526.782	10.377.967.176

Phan Thị Mến  
Người lập biểu

Phạm Thị Thanh Huệ  
Kế toán trưởng

Vũ Hiền  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016



310011  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
AA  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600 tỷ đồng trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 9/3/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/1/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 đồng, thặng dư vốn là 370,876 tỷ đồng; sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng và thặng dư vốn phát sinh là 370,867 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2008, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01030225325 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 đồng và vốn điều lệ thực góp của Công ty CP Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 đồng và do một cổ đông duy nhất là Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600 tỷ đồng.

Trụ sở của Công ty:

Địa chỉ đăng ký: Số 59 phố Lý Thái Tổ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Số 1 phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Tài chính.

#### Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Đầu tư tài chính.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Chi tiết xem tại phụ lục 1.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

11/1  
C  
C  
D  
E  
K



11/11

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Nếu các công ty con, công ty liên kết lập Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng thì căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Với các công ty con, công ty liên kết không lập báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng thì căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm gần thời điểm trích lập dự phòng nhất. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 03 - 09 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06 năm      |
| - Thiết bị văn phòng     | 04 - 10 năm |
| - Phần mềm quản lý       | 03-08 năm   |

010011  
CÔNG  
ÁCH NHIỆM  
NG KIỂM  
AASC  
KIỂM - TP.1

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## 2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## 2.15 . Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và phí lưu ký chứng khoán được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.



M.S.D.N - 0100  
TRÁCH HẠN

**2.19 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.064.526.782	7.377.538.859
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	5.300.000.000
	<b><u>11.564.526.782</u></b>	<b><u>12.677.538.859</u></b>

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,2%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Xem chi tiết Phụ lục 1

**5 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	248.661.108	-	251.430.556	-
- Phải thu tạm ứng thực hiện dự án Lũng Xuân	5.476.000.000	-	5.494.000.000	-
- Tạm ứng	590.876.329	-	312.740.568	-
- Phải thu khác	177.024.704	-	9.838.800	-
	<b><u>6.492.562.141</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.068.009.924</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ (Dự án tòa nhà văn phòng - Thuyết minh 7)	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
	<b><u>1.800.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.800.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Ong Trung Ương (1)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Tài chính IPA (2)	33.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Tổng Giang	-	-	1.845.980.000	-
- Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	-	-	1.845.980.000	-
- Các nhân viên công ty (3)	333.448.513	333.448.513	333.448.513	333.448.513
	<b>35.833.448.513</b>	<b>333.448.513</b>	<b>6.525.408.513</b>	<b>333.448.513</b>

(1) Căn cứ Hợp đồng vay vốn số 01/2015/HDVV-IPA-HP ngày 20/04/2015 giữa Công ty CP Tập đoàn IPA và Công ty CP Ong Trung Ương, kỳ hạn cho vay 03 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm. Theo Phụ lục gia hạn số PL4 - 01/2015/HDVV-IPA-HP ngày 20/07/2016, khoản vay được gia hạn đến ngày 20/10/2016.

(2) Hợp đồng vay vốn số 0606/2016/HDVV ngày 06/06/2016, kỳ hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 0%/năm.

(3) Các khoản vay theo các hợp đồng cho vay ngắn hạn với lãi suất 0%/năm.

**7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án Tòa nhà văn phòng tại Tp Hồ Chí Minh (*)	5.564.717.571	5.564.717.571
- Chi phí giải phóng mặt bằng	5.200.000.000	5.200.000.000
- Chi phí tư vấn	364.717.571	364.717.571
Dự án Khu sinh thái Lũng Xuân	-	24.545.455
	<b>5.564.717.571</b>	<b>5.589.263.026</b>

(\*) Theo Thỏa thuận nguyên tắc ngày 26/04/2009 giữa Công ty và Công ty CP Cơ khí ngành In về Hợp tác đầu tư khai thác tòa nhà tại khu đất 90 Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 02

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là các chương trình phần mềm kế toán và phần mềm quản lý nghiệp vụ chứng khoán có tổng nguyên giá là 1.502.155.950 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.



**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm	8.245.468	24.736.407
- Chi phí thuê văn phòng	43.181.811	43.181.811
	<u>51.427.279</u>	<u>67.918.218</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí cải tạo văn phòng	350.609.836	347.670.422
	<u>350.609.836</u>	<u>347.670.422</u>

**11 . CÁC KHOẢN VAY**

Xem chi tiết Phụ lục 3

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Bà Lương Thu Hằng	2.254.160.000	2.254.160.000	-	-
- Trung Tâm Tư Vấn và Triển Khai Công Nghệ Năng Lượng	72.470.100	72.470.100	72.470.100	72.470.100
- Công ty Luật TNHH VESA	-	-	10.000.000	10.000.000
- Các nhà cung cấp khác	-	-	603.076	603.076
	<u>2.326.630.100</u>	<u>2.326.630.100</u>	<u>83.073.176</u>	<u>83.073.176</u>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect	87.734.421.385	-
- Các đối tượng khác	292.800	272.800
	<u>87.734.714.185</u>	<u>272.800</u>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 04

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	46.838.112	48.194.930
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	61.191.650.600	61.191.650.600
<i>Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&amp;H</i>	41.510.300.000	41.510.300.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hải phòng</i>	11.700.000.000	11.700.000.000
<i>Các cổ đông khác</i>	7.981.350.600	7.981.350.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1.190.372.770
	<b>61.238.488.712</b>	<b>62.430.218.300</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu (Thuyết minh số 11)	848.050.079	848.050.079
	<b>848.050.079</b>	<b>848.050.079</b>

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H	319.310.000.000	53,22%	319.310.000.000	53,22%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phòng	28.000.000.000	4,67%	28.000.000.000	4,67%
Các cổ đông khác	252.690.000.000	42,11%	252.690.000.000	42,11%
	<b>600.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	600.000.000.000	600.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	600.000.000.000	600.000.000.000

0100  
 C  
 TRÁCH  
 HÃNG  
 A  
 HOAN

d) Cổ phiếu	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.803.500	1.803.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.803.500	1.803.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.196.500	58.196.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.196.500	58.196.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		
<b>17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng tại Nguyễn Thượng Hiền và Trúc Khê)	4.994.378.132	492.401.624
	<b>4.994.378.132</b>	<b>492.401.624</b>
<b>18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (cho thuê văn phòng tại Nguyễn Thượng Hiền và Trúc Khê)	4.890.244.734	72.559.341
	<b>4.890.244.734</b>	<b>72.559.341</b>
<b>19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	458.446.373	707.645.261
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.495.422.500	4.414.469.125
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	123.217.200
	<b>14.953.868.873</b>	<b>5.245.331.586</b>
<b>20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	<b>6 tháng đầu năm 2015</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	2.811.540.253
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn tương ứng với công ty con bị thanh lý	-	(20.614.185.151)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	6.314.864.372	2.466.000.000
Chi phí tài chính khác	8.205.188	6.651.370
	<b>6.323.069.560</b>	<b>(15.329.993.528)</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.045.455	7.729.046
Chi phí nhân công	1.106.447.860	1.145.565.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.238.750	119.645.849
Thuế, phí, và lệ phí	5.000.000	33.386.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.664.141	797.685.714
Chi phí khác bằng tiền	152.618.668	45.763.706
	<b>2.020.014.874</b>	<b>2.149.775.717</b>

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	90.909.091	-
Thu nhập từ công nợ không phải trả	293.529.187	2
	<b>384.438.278</b>	<b>2</b>

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.056.810.660	18.845.379.881
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(14.495.422.500)	(18.845.379.881)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(14.495.422.500)	(4.414.469.125)
- Kết chuyển lỗ từ hoạt động kinh doanh	-	(14.430.910.756)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(7.438.611.840)	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành theo thuế suất phổ thông</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	397.226.262	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(397.226.262)	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.238.750	7.729.046
Chi phí nhân công	1.106.447.860	1.145.565.308
Chi phí khấu hao TSCĐ	472.353.246	117.272.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.206.200.309	870.245.055
Chi phí khác bằng tiền	111.019.443	81.522.925
	<b><u>6.910.259.608</u></b>	<b><u>2.222.335.058</u></b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.564.526.782	-	12.677.538.859	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.513.662.141	(333.448.513)	8.827.097.478	(333.448.513)
Các khoản cho vay	42.183.448.513	-	7.525.408.513	-
Đầu tư dài hạn	46.376.032.500	(4.189.027.312)	46.376.032.500	(4.189.027.312)
<b>Cộng</b>	<b><u>108.637.669.936</u></b>	<b><u>(4.522.475.825)</u></b>	<b><u>75.406.077.350</u></b>	<b><u>(4.522.475.825)</u></b>
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			30.146.100.000	90.806.781.528
Phải trả người bán, phải trả khác			64.413.168.891	63.361.341.555
Chi phí phải trả			-	73.926.111
<b>Cộng</b>			<b><u>94.559.268.891</u></b>	<b><u>154.242.049.194</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

0100  
 C  
 TRÁCH N  
 HÀNG  
 A  
 TOÁN KH

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.564.526.782	-	-	11.564.526.782
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.380.213.628	1.800.000.000	-	8.180.213.628
Các khoản cho vay	42.183.448.513	-	-	42.183.448.513
Đầu tư dài hạn	-	42.187.005.188	-	42.187.005.188
	<b>60.128.188.923</b>	<b>43.987.005.188</b>	<b>-</b>	<b>104.115.194.111</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.677.538.859	-	-	12.677.538.859
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.693.648.965	1.800.000.000	-	8.493.648.965
Các khoản cho vay	6.525.408.513	1.000.000.000	-	7.525.408.513
Đầu tư dài hạn	-	42.187.005.188	-	42.187.005.188
	<b>25.896.596.337</b>	<b>44.987.005.188</b>	<b>-</b>	<b>70.883.601.525</b>

1105-C  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
SC  
TP. HÀ

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	-	30.146.100.000	-	30.146.100.000
Phải trả người bán, phải trả khác	63.565.118.812	848.050.079	-	64.413.168.891
	<u>63.565.118.812</u>	<u>30.994.150.079</u>	<u>-</u>	<u>94.559.268.891</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	57.600.681.528	33.206.100.000	-	90.806.781.528
Phải trả người bán, phải trả khác	62.513.291.476	848.050.079	-	63.361.341.555
Chi phí phải trả	73.926.111	-	-	73.926.111
	<u>120.187.899.115</u>	<u>34.054.150.079</u>	<u>-</u>	<u>154.242.049.194</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Góp vốn bằng nợ phải thu	2.455.830.000	-

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	(60.660.681.528)	(8.000.000.000)

**27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>					
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.266.445.319	3.066.445.319	(1.800.000.000)	(1)
- Phải thu dài hạn khác	250	1.800.000.000	-	1.800.000.000	(1)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	6.068.009.924	574.009.924	5.494.000.000	(2)
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.589.263.026	11.083.263.026	(5.494.000.000)	(2)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	57.983.433.920	50.387.103.217	7.596.330.703	(3)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	46.376.032.500	53.972.363.203	(7.596.330.703)	(3)

(1) Phân loại lại khoản tiền đặt cọc cho Công ty CP Cơ khí ngành In theo thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác đầu tư khai tác tòa nhà tại 90 Pasteur, HCM (Thuyết minh 5)

(2) Phân loại lại khoản phải thu tạm ứng thực hiện dự án Lũng Xuân (Thuyết minh 5)

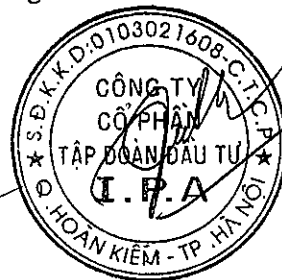
(3) Phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện Nông thôn Trà Vinh thành đầu tư vào công ty liên kết do tỷ lệ biểu quyết 20,36%.

*[Handwritten signature]*

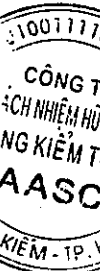
**Phan Thị Mến**  
Người lập biểu

*[Handwritten signature]*

**Phạm Thị Thanh Huệ**  
Kế toán trưởng



**Vũ Hiền**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016





**Phụ lục 1 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	6.350.000.000	6.350.000.000	-	-
	<b>6.350.000.000</b>	<b>6.350.000.000</b>	-	-

Tại ngày 30/06/2016, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2016/HĐTGKH-IPA ngày 22/06/2016, hiệu lực từ ngày 22/06/2016, số tiền lãi 418.482.639 đồng được thanh toán vào cuối kỳ.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.043.924.820.683</b>	<b>(25.320.119.848)</b>	<b>1.027.277.246.717</b>	<b>(15.433.672.678)</b>
1. Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
2. Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA	2.550.000.000	(2.088.867.587)	2.550.000.000	(2.087.013.042)
3. Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	163.384.752.200	-	163.384.752.200	-
4. Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	224.358.875.266	-	224.358.875.266	-
5. Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood	17.972.280.000	(15.639.815.155)	17.972.280.000	(13.346.659.636)
6. Công ty TNHH Bất động sản AVIE	7.000.000.000	-	712.489.251	-
7. Công ty TNHH MTV Tài chính IPA	568.298.850.000	-	568.298.850.000	-
8. Công ty Cổ phần Cơ khí ngành In	10.360.063.217	(7.591.437.106)	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>49.877.530.703</b>	<b>(4.523.196.664)</b>	<b>57.983.433.920</b>	<b>(8.094.779.462)</b>
1. Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	42.281.200.000	(4.523.196.664)	42.281.200.000	(2.616.495.764)
2. Công ty Cổ phần Cơ khí ngành In	-	-	8.105.903.217	(5.478.283.698)
3. Công ty Cổ phần Điện Nông thôn Trà Vinh	7.596.330.703	-	7.596.330.703	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>46.376.032.500</b>	<b>(4.189.027.312)</b>	<b>46.376.032.500</b>	<b>(4.189.027.312)</b>
1. Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An	38.876.032.500	-	38.876.032.500	-
2. Công ty Cổ phần Dược phẩm ECO	7.500.000.000	(4.189.027.312)	7.500.000.000	(4.189.027.312)
	<b>1.140.178.383.886</b>	<b>(34.032.343.824)</b>	<b>1.131.636.713.137</b>	<b>(27.717.479.452)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
2. Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA (i)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	92,73%	92,73%	Tư vấn tài chính
3. Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu	Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	54,66%	54,66%	Đầu tư khách sạn nghỉ dưỡng
4. Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	73,86%	73,86%	Đầu tư dự án thủy điện
5. Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood	Số 26 Trần Trọng Bình, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	89,86%	89,86%	Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng
6. Công ty TNHH Bất động sản AVIE (ii)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	10,77%	71,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7. Công ty TNHH MTV Tài chính IPA	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Đầu tư tài chính

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Hoạt động kinh doanh chính
8. Công ty Cổ phần Cơ khí ngành In (v)	Số 102 A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	51,29%	51,29%	51,29%	Lắp đặt các máy chuyên dụng, thiết bị ngành in; Sửa chữa máy móc, thiết bị ngành in; dịch vụ liên quan đến in; Sản xuất, nhập khẩu, bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, vật tư và nguyên phụ liệu ngành in;
9. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Homedirect (iii)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	73,79%	85,00%	85,00%	Dịch vụ
10. Công ty Cổ phần Bất động sản ANVIE Hội An (iv)	Số 26 Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	10,77%	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản
11. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lũng Xuân (v)	59 Lý Thái Tổ, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	10,77%	50,09%	50,09%	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Tư vấn Quản trị Tài chính IPA đang thực hiện thủ tục giải thể.

(ii) Được đổi tên và chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV Học Viện IPA. Công ty đăng ký góp 71% vốn điều lệ Công ty TNHH Bất Động Sản Anvie. Tại ngày 30/06/2016, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty là 10,77%.

(iii) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA tại Công ty Cổ phần Dịch Vụ Homedirect là 85% theo điều lệ Công ty.

(iv) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty TNHH Bất động sản Anvie. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH Bất động sản Anvie tại Công ty Cổ phần Bất động sản ANVIE Hội An là 99% theo điều lệ Công ty.

(v) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty TNHH Bất động sản Anvie. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH Bất động sản Anvie tại Công ty Cổ phần Bất động sản ANVIE Hội An là 50,09% theo điều lệ Công ty.

Lí do thay đổi với từng khoản đầu tư vào công ty con:

(ii) Trong kỳ Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty TNHH Bất động sản AVIE, tổng giá trị góp vốn bổ sung 6.287.510.749 đồng; trong đó: góp vốn bằng tiền 3.831.680.749 đồng; góp vốn bằng chuyển công nợ phải thu sang vốn góp số tiền 2.455.830.000 đồng.

(v) Công ty đã nhận chuyển nhượng của bà Lương Thu Hằng ngày 02/2016/CNCP ngày 05/02/2016, số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng: 225.416, giá trị chuyển nhượng: 2.254.160.000 đồng. Đến thời điểm 30/06/2016, Công ty nắm giữ 923.242 cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí ngành In, trong đó 51,29% vốn điều lệ, do đó khoản đầu tư này được phân loại lại từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sang khoản đầu tư vào đơn vị khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ lợi ích	quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	19 Trúc Khê, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	47,59%	47,59%	47,59%	47,59%	Kinh doanh, xuất khẩu các sản phẩm từ ong
2. Công ty Cổ phần Điện Nông thôn Trà Vinh	Khóm 1 - Phường 9 - Thị xã Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh	20,36%	20,36%	20,36%	20,36%	Đầu tư xây dựng, phát triển các công trình điện; Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện; Thiết kế, thi công các công trình điện
3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect (i)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	26,28%	26,28%	26,28%	26,28%	Kinh doanh chứng khoán
4. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn (ii)	Khu Công nghiệp Thanh Bình - xã Thanh Bình - huyện Chợ Mới - tỉnh Bắc Kạn	76,13%	76,13%	30,00%	30,00%	Khai thác khoáng sản và sản xuất gang thép
5. Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính (iii)	Số 434, Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	24,50%	24,50%	35,00%	35,00%	Kinh doanh phần mềm tài chính
6. Công ty Cổ phần Dược Phẩm ECO (iv)	148 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, Tp.HCM	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	Bán lẻ, phân phối thuốc; Dịch vụ nhập khẩu ủy thác.
7. Công ty Cổ phần Du Lịch - Dịch vụ Hội An (v)	10 Trần Hưng Đạo, Tp Hội An, Tỉnh Quảng Nam	20,01%	20,01%	20,01%	20,01%	Kinh doanh dịch vụ ăn uống, lữ hành, vui chơi giải trí; vận tải hành khách

(i) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA.

(ii) Công ty liên kết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA tại Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Gang Thép Kim Sơn là 30%

(iii) Công ty liên kết thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Homedirect.

(iv) Công ty liên kết gián tiếp thông qua các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA với tổng tỷ lệ vốn góp là 20,00% vốn điều lệ.

(v) Công ty liên kết gián tiếp thông qua các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH MTV Tài Chính IPA với tổng tỷ lệ vốn góp là 20,01% vốn điều lệ.

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA**

**Phụ lục 02 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	7.101.610.448	1.930.000.000	1.799.136.460	1.010.324.279	11.841.071.187
Số giảm trong năm	-	-	(940.396.286)	-	(940.396.286)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(940.396.286)	-	(940.396.286)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.101.610.448</b>	<b>1.930.000.000</b>	<b>858.740.174</b>	<b>1.010.324.279</b>	<b>10.900.674.901</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	5.207.847.656	434.249.791	1.477.159.182	1.010.324.279	8.129.580.908
Số tăng trong kỳ	355.080.522	96.499.998	20.772.726	-	472.353.246
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	355.080.522	96.499.998	20.772.726	-	472.353.246
Số giảm trong kỳ	-	-	(940.396.286)	-	(940.396.286)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(940.396.286)	-	(940.396.286)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.562.928.178</b>	<b>530.749.789</b>	<b>557.535.622</b>	<b>1.010.324.279</b>	<b>7.661.537.868</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	1.893.762.792	1.495.750.209	321.977.278	-	3.711.490.279
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.538.682.270</b>	<b>1.399.250.211</b>	<b>301.204.552</b>	-	<b>3.239.137.033</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.453.609.708 VND

**Phụ lục 3 : VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Công ty TNHH Bất động sản Anvie	1.600.000.000	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV tài chính IPA	56.000.681.528	56.000.681.528	-	56.000.681.528	-	-
	<b>57.600.681.528</b>	<b>57.600.681.528</b>	-	<b>57.600.681.528</b>	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu (*)	33.206.100.000	33.206.100.000	-	3.060.000.000	30.146.100.000	30.146.100.000
	<b>33.206.100.000</b>	<b>33.206.100.000</b>	-	<b>3.060.000.000</b>	<b>30.146.100.000</b>	<b>30.146.100.000</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>33.206.100.000</b>	<b>33.206.100.000</b>			<b>30.146.100.000</b>	<b>30.146.100.000</b>

(\*) Hợp đồng vay vốn Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Á Châu ngày 24/11/2009, số tiền 33.206.100.000 đồng, không thời hạn, lãi suất 2%/năm; kể từ ngày 01/01/2011, áp dụng lãi suất 0%/năm trên số tiền còn nợ theo nội dung phụ lục II của hợp đồng vay vốn ngày 31/12/2010. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo; mục đích vay: để đầu tư kinh doanh.

**Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	31.755.545	-	31.755.545	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	397.226.262	-	397.226.262	-	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	39.976.917	58.552.313	67.015.980	-	31.513.250
- Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	-	<b>468.958.724</b>	<b>63.552.313</b>	<b>500.997.787</b>	-	<b>31.513.250</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TP. HCM  
SC  
MT  
MAU  
GT

**Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	34.340.970.955	969.346.877.645			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	18.845.379.881	18.845.379.881			
Số dư cuối kỳ trước	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	53.186.350.836	988.192.257.526			
Số dư đầu kỳ này	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	54.232.419.782	989.238.326.472			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	7.056.810.660	7.056.810.660			
Số dư cuối kỳ này	600.000.000.000	370.867.003.490	(35.861.096.800)	61.289.230.442	996.295.137.132			

